

CHỈ TIÊU BÁO CÁO THÁNG 6/ NĂM 2022

(Từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022)
(Ban hành kèm theo quyết định số: 691/QĐ-CSVN ngày 15 tháng 12 năm 2011)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/7	9 = 6/4
I	SẢN PHẨM CHÍNH							
1	Diện tích cao su	Ha						
1.1	Diện tích tái canh	"	393,89	207,2	290	383		
1.2	Diện tích phục hoang	"	393,89	0	304	392		
1.3	Diện tích cao su thực hiện thanh lý	"	526,92	0	304	430		57,7
2	Sản lượng cao su	Tấn	13.200	1.789,1	4.738,7	4.838,9	97,9	35,9
2.1	Sản lượng khai thác	"	8.895	1.344,3	3.473,7	3.711,1	93,6	39,1
2.2	Sản lượng thu mua	"	3.000	444,8	1.265,0	1.127,8	112,2	42,2
	Nhượng quyền khai thác	"	1.305					
2.3	Sản lượng chế biến	"	12.500	1.724,1	4.738,6	5.364,0	88,3	37,9
2.3.1	Sản lượng gia công cho bên ngoài	"		70,7	146,4	487,4	30,0	
2.3.2	Cao su tự khai thác và thu mua	"	12.000	1.653,4	4.592,2	4.876,6	94,2	38,3
a	SVR CV 50, 60	"	100	62,4	568,3	683,9	83,1	568,3
b	SVR 3L, 5	"	4.900	460,5	1.082,3	801,5	135,0	22,1
c	SVR 10, 20	"	1.400	222,9	811,3	1.130,0	71,8	58,0
d	RSS3	"	950	272,6	425,4	353,3	120,4	44,8
e	RSS5	"	150	3,8	9,4	11,1	84,7	6,3
f	Ly tâm (quy DRC 100%)	"	4.500	629,9	1.569,6	1.776,2	88,4	34,9
g	Ngoại hạng	"		1,3	125,9	120,6		
2.4	Sản lượng tiêu thụ	"	12.000	1.409,3	4.584,9	4.104,2	111,7	38,2
2.4.1	Xuất khẩu	"	4.000	522,8	1.250,2	1.601,1	78,1	31,3

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
a	Trực tiếp	"	4.000	522,8	1.250,2	1.560,8	80,1	31,3
b	Ủy thác qua Tập đoàn	"	0	0,0	0,0	40,3		
2.4.2	Nội tiêu	"	8.000	886,5	3.334,7	2.503,1	133,2	41,7
	Trong đó: Bán trong nội bộ Tập đoàn							
2.5	Sản lượng tồn kho cuối kỳ	"	1.377		1.654,4	1.490,7	111,0	120,1
3	Chế biến gỗ							
3.1	Diện tích cao su TL được phân bổ	ha	450	0,0	101,5			22,6
	Trong đó: DT khai thác	ha	450	0,0	150,3			33,4
	Khai thác gỗ cao su thanh lý	m ³	59.300	2.714,9	21.915,5			
3.2	Sản lượng sản xuất trong kỳ	m ³	17.700	840,1	6.258,4			35,4
	Sản lượng gỗ phôi SX trong kỳ	m ³	17.700	840,1	6.258,4			35,4
	Trong đó: phôi cao su SX trong kỳ	m ³	17.700	840,1	6.258,4			35,4
3.3	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	m ³	18.244	870,2	6.591,9			36,1
	Sản lượng gỗ phôi tiêu thụ trong kỳ	m ³	18.244	870,2	6.591,9			36,1
1	Giá bán cao su bình quân	Tr đồng/tấn	38,83	44,54	42,70	46,12	92,6	110,0
1.1	Xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu	"	40,25	44,75	44,05	45,22	97,4	109,4
-	Nguyên tệ quy ra USD		1.750	1.941	1.771	1.970	89,9	101,2
1.2	Nội tiêu	Tr đồng/tấn	38,11	44,4	42,2	46,7	90,4	110,7
2	Kim ngạch XK cao su quy theo USD	USD	7.000.000	1.014.828	2.410.021	3.154.141	76,4	34,4
	Trong đó: Thực thu bằng nhân dân tệ	CNY						
3	Doanh thu tiêu thụ cao su, dịch vụ	Tr đồng	908.661	84.901	352.958	258.700	136,4	38,8
3.1	Mủ cao su	"	465.900	63.617	202.386	196.201	103,2	43,4
3.1.1	Cao su khai thác và sản phẩm phụ	Tr đồng	352.650	49.597	161.878	147.694	109,6	45,9
3.1.1.2	Cao su thu mua	Tr đồng	113.250	14.020	40.508	48.507	83,5	35,8
3.2	Tài chính, cây cao su, khác	"	306.820	12.781	94.659	62.499	151,5	30,9
3.3	Doanh thu gỗ cao su	"	135.941	8.503	55.913			41,1
4	Lợi nhuận gộp về sản xuất kinh doanh	Tr đồng	325.760	8.738	98.386	72.872	135,0	30,2
	Trong đó: Lợi nhuận SXKD cao su	"	47.855	528	14.528	19.440	74,7	30,4
5	Nộp ngân sách	Tr đồng	105.237	1.062	57.732	38.001	151,9	54,9

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
5.1	Thuế GTGT	"	16.000	1.062	8.298	6.990	118,7	51,9
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	65.152	0	30.000	5.861	511,9	46,0
5.3	Thuế nhập khẩu	"	0					
5.4	Tiền thuê đất	"	21.000	0	16.800	23.310	72,1	80,0
5.5	Thuế thu nhập cá nhân	"	3.000	0	2.575	1.780	144,7	85,8
5.6	Thuế tài nguyên	"		0	20	31		
5.7	Thuế khác	"	85	0	39	29	134	45,9

PHÒNG KẾ HOẠCH

Nơi nhận:

- Ban KHĐT-Tập đoàn
- BGĐ Công ty
- Các phòng ban công ty
- Lưu: VT, KH

Nguyễn Tiến Đại

Bình Phước, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Cường